CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Công nghệ ONE

Ngày 30/06/2025	5,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.0%	**-3.6%**	**1.9%**

DT thuần
Q2/25
68.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 33.2| 94.5%
YoY: ▲ 9.60| 16.3%

LN thuần
Q2/25
1.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.52| 370%
YoY: ▲ 7.27| 118%

LN sau thuế
Q2/25
0.91
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.34| 311%
YoY: ▲ 7.60| 114%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
2.7%
YoY: +/-▲ 3.8%

ROE (TTM)
Q2/25
7.6%
YoY: +/-▲ 7.7%

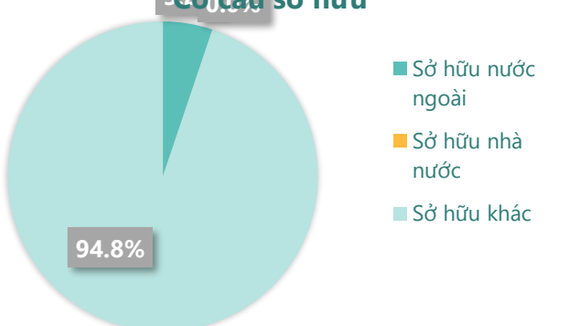
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,700 - 6,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	42
Số lượng CPLH (CP)	7,893,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,960
Sở hữu nước ngoài	5.2%
Beta	0.75
EPS	950
P/E	5.6

DT thuần
6T 2025
103
tỷ VNĐ
YoY: ▼67.0| -39.1%

LN thuần
6T 2025
0.69
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.58| 114%

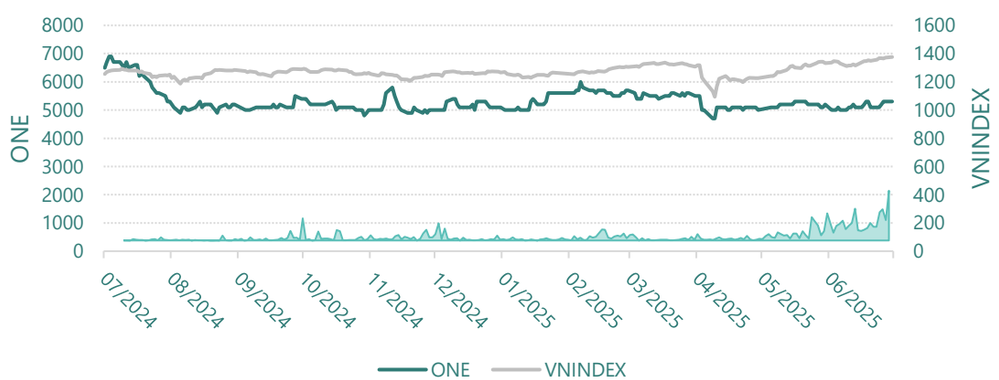
LN sau thuế
6T 2025
0.47
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.16| 108%

Cơ cấu sở hữu

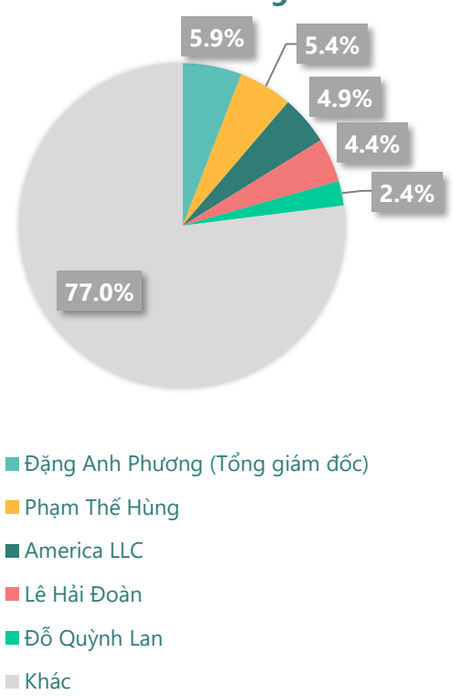


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



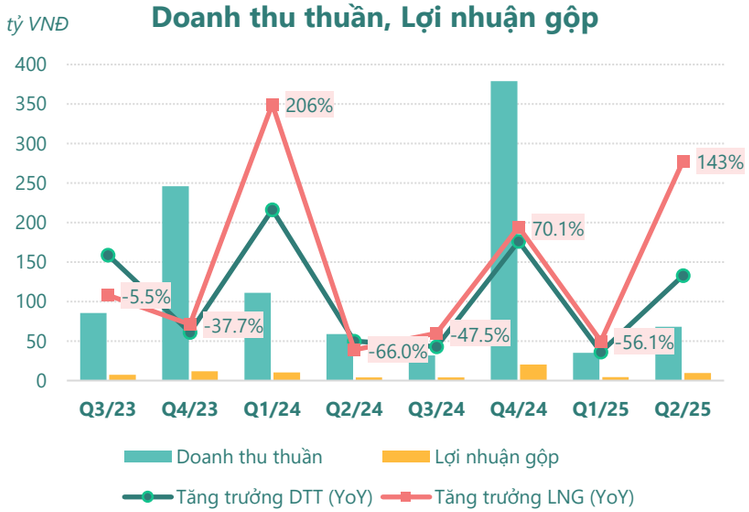
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

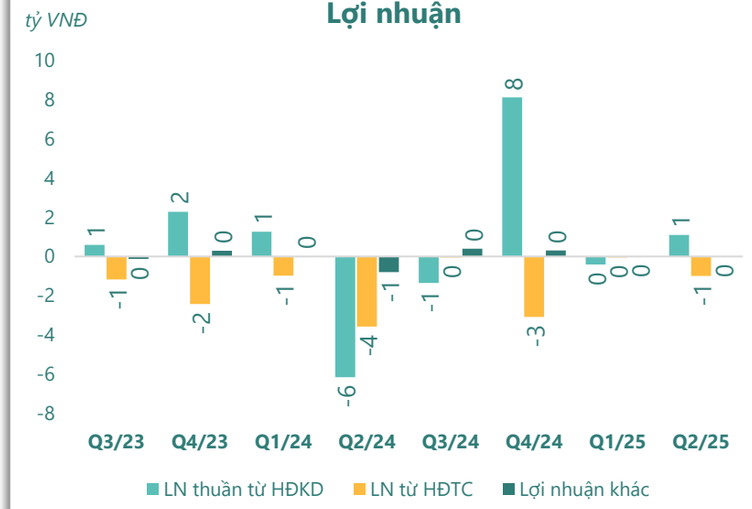
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



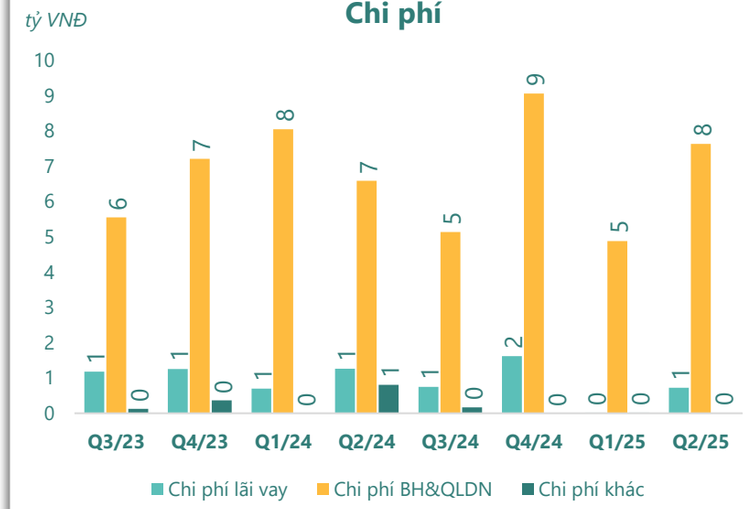
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



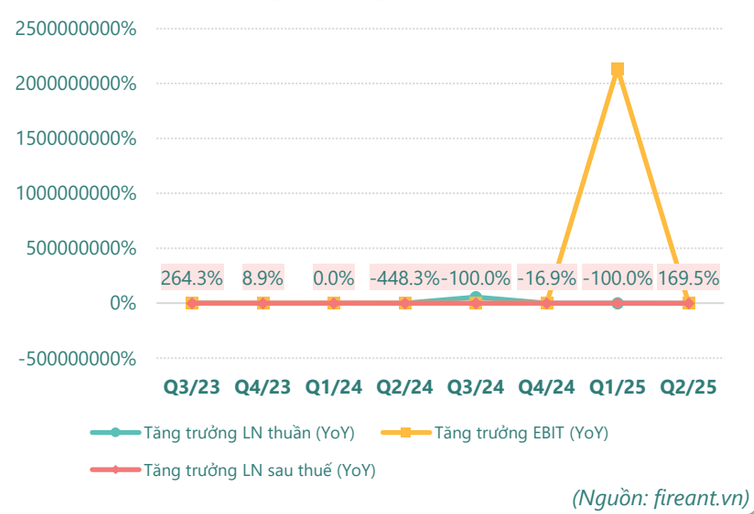
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



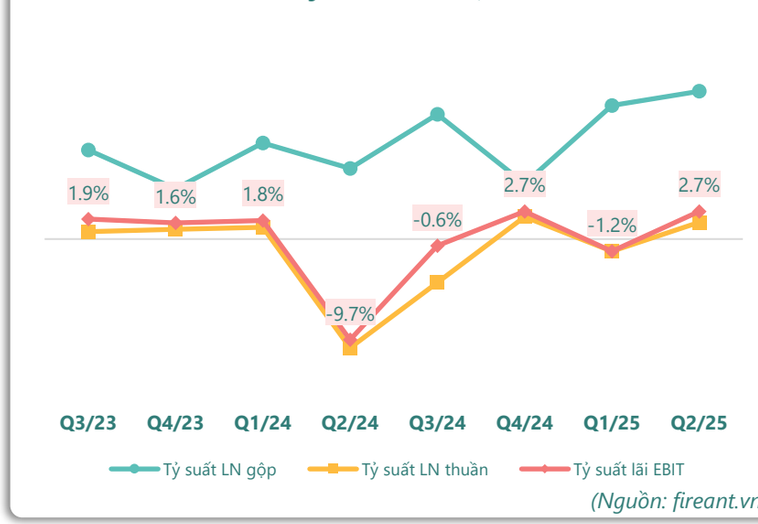
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



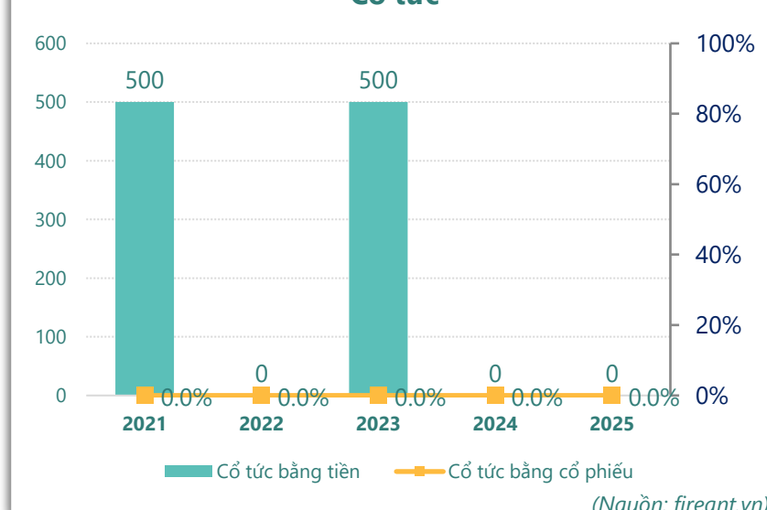
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

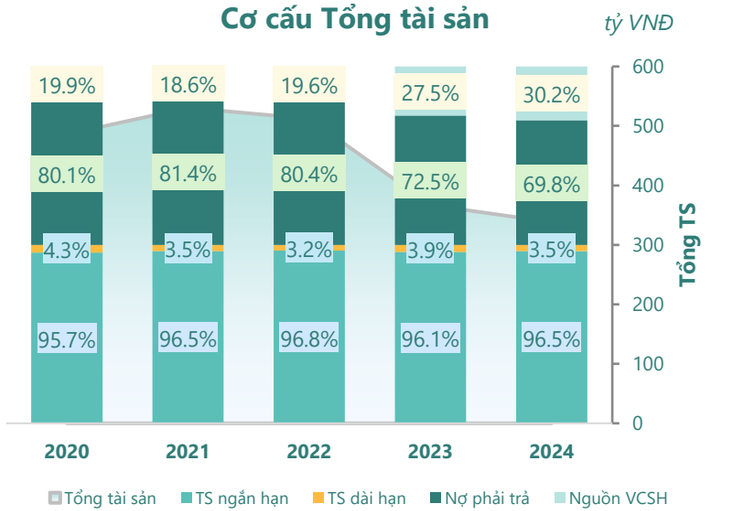
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

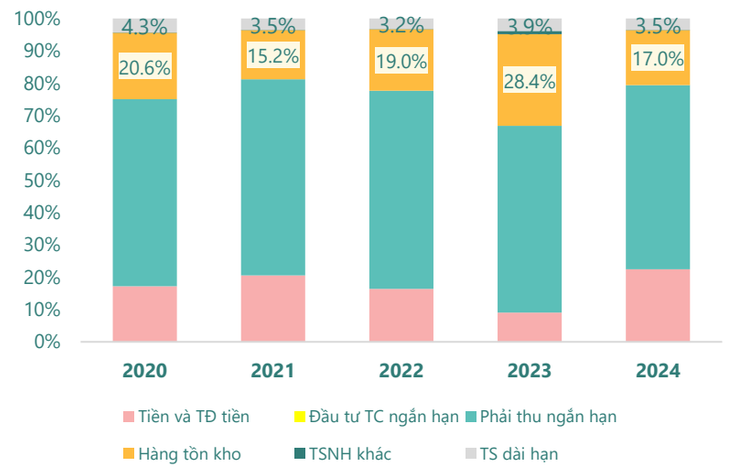
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



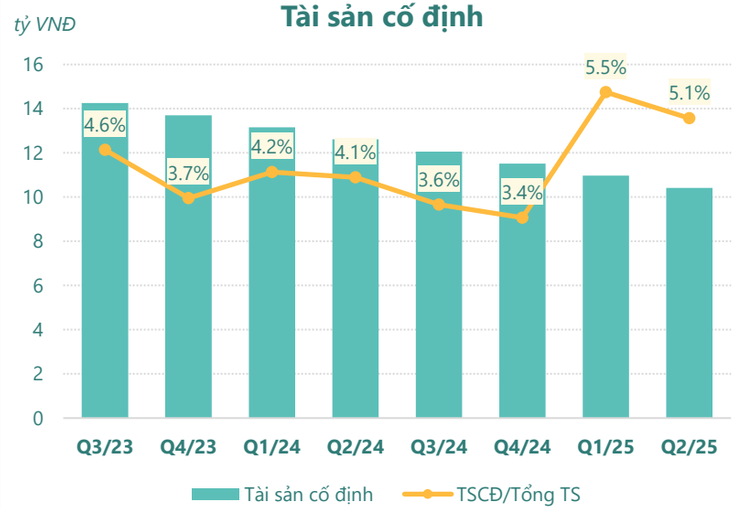
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



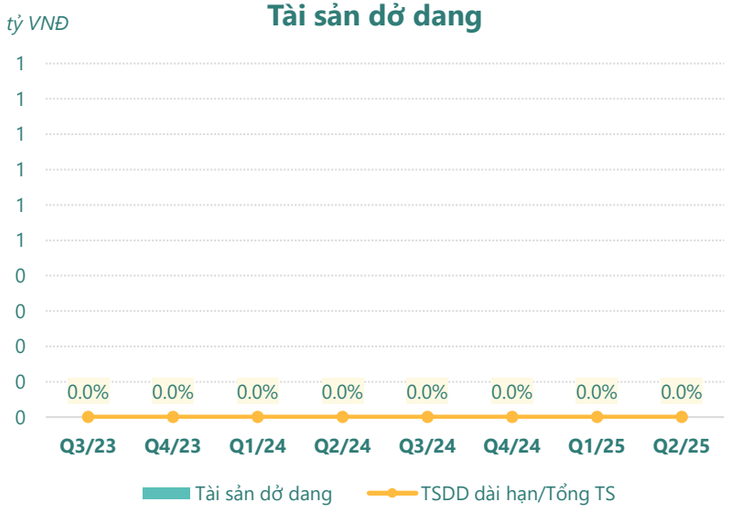
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



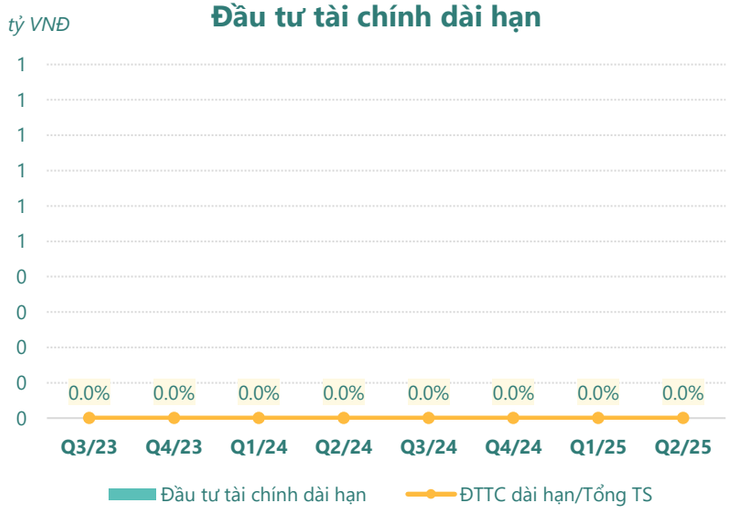
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



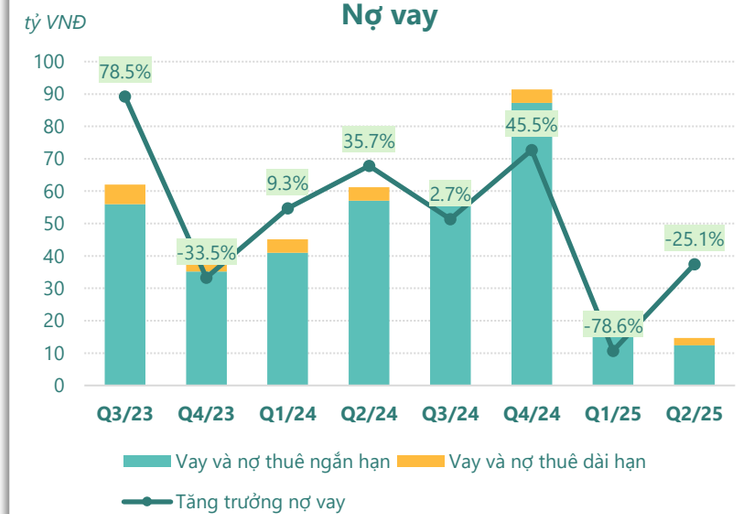
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

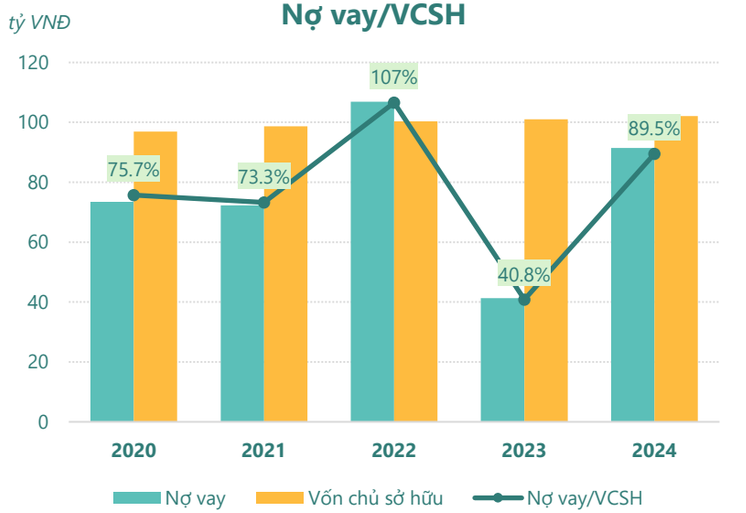
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

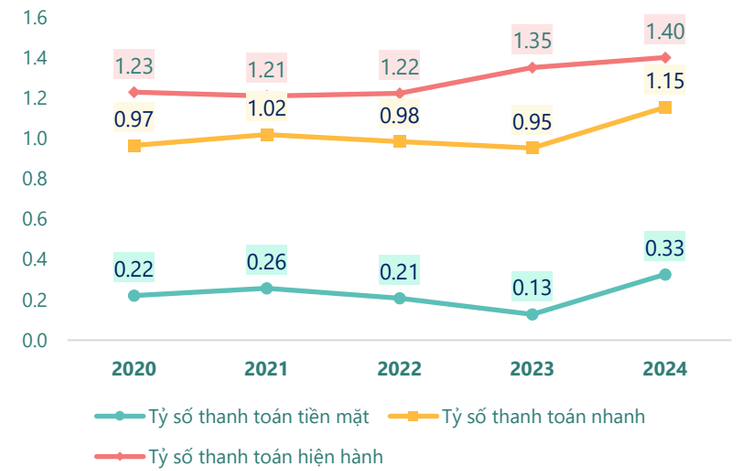
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



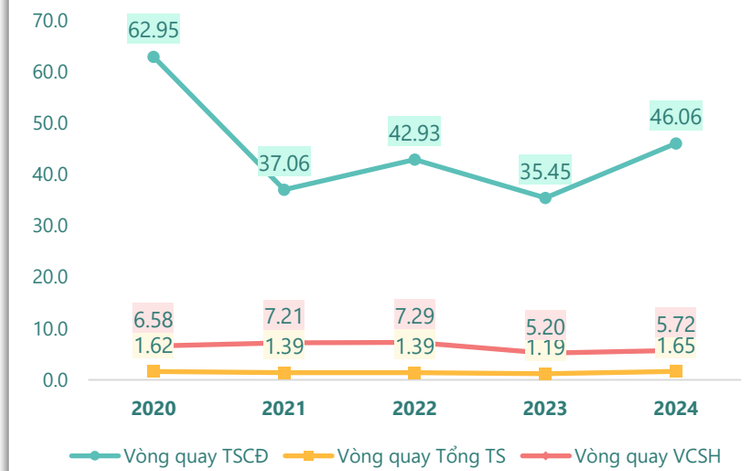
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



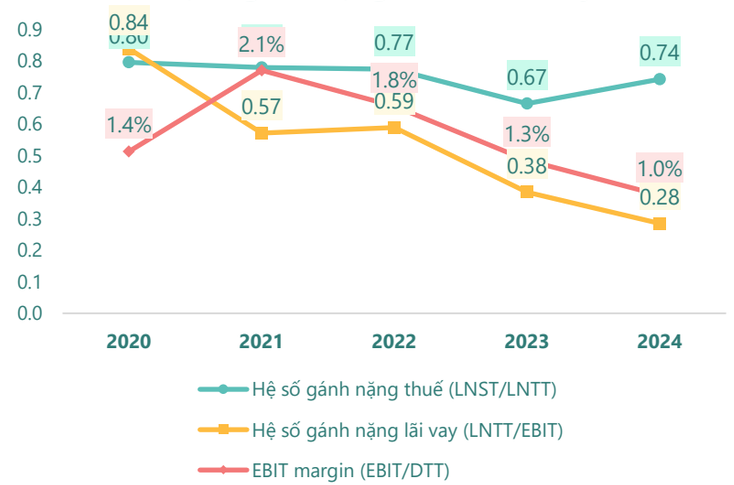
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



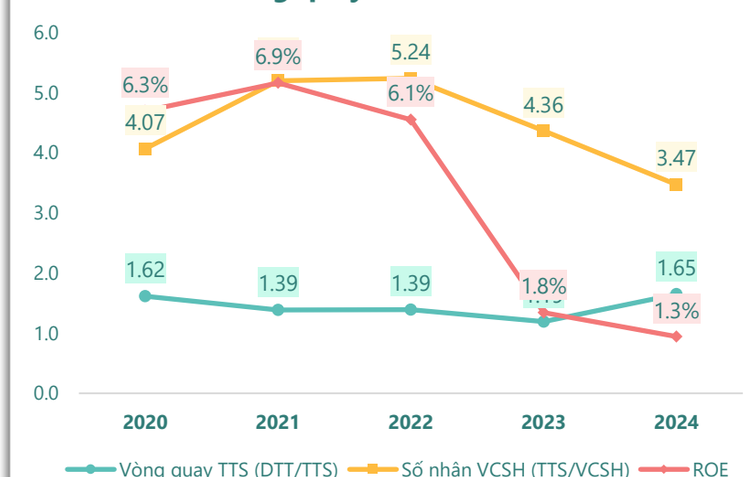
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



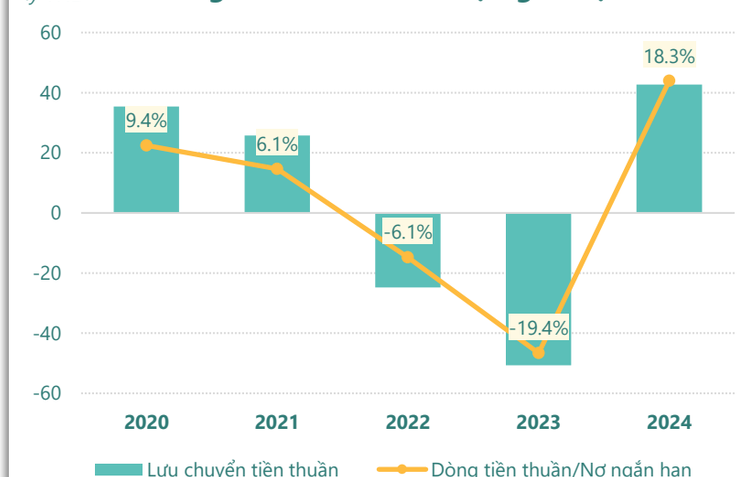
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**68.3**	**58.7**	**16.3%**	**103**	**170**	**-39.1%**
Giá vốn hàng bán	58.5	54.7	7.0%	89.1	155	-42.7%
Lợi nhuận gộp	9.73	4.00	143%	14.2	14.3	-0.4%
Doanh thu HĐTC	0.01	0.03	-51.0%	0.20	0.04	413%
Chi phí TC	1.00	3.60	-72.2%	1.23	4.59	-73.2%
Chi phí lãi vay	0.72	1.26	-42.8%	0.74	1.96	-62.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.96	0.51	87.4%	1.40	1.20	17.3%
Chi phí QLDN	**6.68**	**6.08**	**9.9%**	**11.1**	**13.4**	**-17.3%**
LN thuần từ HĐKD	1.11	-6.16	118%	0.69	-4.89	114%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**-0.80**	**99.1%**	**-0.03**	**-0.80**	**96.5%**
LN trước thuế	1.10	-6.96	116%	0.66	-5.69	112%
Lợi nhuận sau thuế	**0.91**	**-6.69**	**114%**	**0.47**	**-5.69**	**108%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.91**	**-6.69**	**114%**	**0.47**	**-5.69**	**108%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-36.4	-5.71	20.4	14.2	23.6	-1.02
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0	0	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	3.85	16.1	1.64	28.6	-71.8	-4.93
Tiền đầu kỳ	33.3	0.76	11.1	33.2	76.0	27.7
Lưu chuyển tiền thuần	**-32.6**	**10.4**	**22.1**	**42.8**	**-48.3**	**-5.95**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	0.76	11.1	33.2	76.0	27.7	21.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**205**	**338**	**-39.5%**
Tài sản ngắn hạn	194	327	-40.6%
Tiền và tương đương tiền	21.8	76.0	-71.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	121	193	-37.1%
Hàng tồn kho	50.7	57.6	-12.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.40	0.49	-17.9%
Tài sản dài hạn	**10.7**	**11.7**	**-9.1%**
Phải thu dài hạn	0.11	0	
Tài sản cố định	10.4	11.5	-9.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.14**	**0.21**	**-36.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	102	236	-56.7%
Nợ ngắn hạn	**100**	**233**	**-57.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.4	88.2	-85.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	51.4	123	-58.1%
Nợ dài hạn	2.23	3.19	-30.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	2.23	3.19	-30.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**102**	**102**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**102**	**102**	**0.3%**
Vốn điều lệ	79.6	79.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)